

Số: /2026/TT-BGDĐT

Hà Nội, ngày ... tháng 6 năm 2026

THÔNG TƯ

Ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của trường tiểu học, trường trung học cơ sở, trường trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học loại hình tư thục

VĂN PHÒNG UBND TP HÀI PHÒNG

Số: 6629
Ngày: 26/06/2026

Chuyển:
Số và ký hiệu HS: 123/2025/QH15;

Căn cứ Luật Giáo dục số 43/2019/QH14 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 123/2025/QH15;

Căn cứ Luật Nhà giáo số 73/2025/QH15;

Căn cứ Nghị định số 37/2025/NĐ-CP ngày 26 tháng 02 năm 2025 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Giáo dục và Đào tạo;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Giáo dục Phổ thông;

Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Thông tư ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của trường tiểu học, trường trung học cơ sở, trường trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học loại hình tư thục.

Điều 1. Ban hành kèm theo Thông tư này Quy chế tổ chức và hoạt động của trường tiểu học, trường trung học cơ sở, trường trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học loại hình tư thục.

Điều 2. Hiệu lực thi hành

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 08 tháng 8 năm 2026.

Riêng điểm d khoản 6 Điều 5 Quy chế tổ chức và hoạt động của trường tiểu học, trường trung học cơ sở, trường trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học loại hình tư thục ban hành kèm theo Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 3 năm 2027.

2. Thông tư số 40/2021/TT-BGDĐT ngày 30 tháng 12 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của trường tiểu học, trường trung học cơ sở, trường trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học loại hình tư thục hết hiệu lực thi hành kể từ ngày 08 tháng 8 năm 2026.

Riêng điểm b khoản 3 Điều 7 của Quy chế tổ chức và hoạt động của trường tiểu học, trường trung học cơ sở, trường trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học loại hình tư thục ban hành kèm theo Thông tư số 40/2021/TT-BGDĐT hết hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 3 năm 2027.

Điều 3. Trách nhiệm thi hành

Chánh Văn phòng Bộ, Vụ trưởng Vụ Giáo dục Phổ thông, Thủ trưởng các đơn vị có liên quan thuộc Bộ Giáo dục và Đào tạo; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố

ĐƠN VỊ	CHỦ TRÌ	THAM GIA
CT Đ.T.Trung		X
PCT TT L.A.Quân		X
PCT V.T.Phụng	X	
PCT L.T.Kiên		X
PCT N.M.Hùng		X
PCT T.V.Quân		X
PCT H.M.Cường		X
Q.CVP N.H.Long	X	
PCVP T.V.Thiện		
PCVP N.T.Hùng	X	
PCVP P.A.Tuấn		
PCVP P.H.Hoàng		
PCVP T.N.Hưng		
P. NV&KT,GS		
P. NC		
P. NN&MT		
P. TC		
P. TH		
P. VX	X	
P. XD&CT		
Ban TCDTP		
P. HC-QT		
TTPVHCCTP		
TTHN&NKTP		
Cổng TTĐTTP		

trực thuộc Trung ương; Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo; Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã; các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Thông tư này.

Nơi nhận:

- Văn phòng Quốc hội;
- Văn phòng Chính phủ;
- Ủy ban Văn hóa và Xã hội của Quốc hội;
- Hội đồng Quốc gia Giáo dục và Phát triển nhân lực;
- Ban Tuyên giáo và Dân vận Trung ương;
- Các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;
- Bộ trưởng;
- Các Thứ trưởng Bộ GDĐT;
- Như Điều 3 (để thực hiện);
- Cục Kiểm tra VB & Tổ chức thi hành PL (Bộ Tư pháp);
- Công báo; Cổng TTĐT Chính phủ;
- Cổng PLQG; Cơ sở dữ liệu QG về VBQPPL;
- Kiểm toán nhà nước;
- Cổng thông tin điện tử Bộ GDĐT;
- Lưu VT, Vụ PC, Vụ GDPT.

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**



Phạm Ngọc Thưởng

QUY CHẾ**Tổ chức và hoạt động của trường tiểu học, trường trung học cơ sở, trường trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học loại hình tư thục**

(Kèm theo Thông tư số 18/2026/TT-BGDĐT ngày 22 tháng 6 năm 2026
của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo)

Chương I**QUY ĐỊNH CHUNG****Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng**

1. Quy chế này quy định về tổ chức và hoạt động của trường tiểu học, trường trung học cơ sở, trường trung học phổ thông, trường phổ thông có nhiều cấp học loại hình tư thục, bao gồm tổ chức và quản lý nhà trường; giáo viên, học sinh, nhân sự hỗ trợ giáo dục; cơ sở vật chất, tài chính và tài sản; khen thưởng và xử lý vi phạm.

2. Quy chế này áp dụng đối với trường tiểu học, trường trung học cơ sở, trường trung học phổ thông, trường phổ thông có nhiều cấp học loại hình tư thục (sau đây gọi chung là trường phổ thông tư thục), cơ quan, tổ chức và cá nhân có liên quan.

Điều 2. Vị trí của trường phổ thông tư thục trong hệ thống giáo dục quốc dân

1. Trường phổ thông tư thục là cơ sở giáo dục phổ thông thuộc hệ thống giáo dục quốc dân do nhà đầu tư trong nước hoặc nhà đầu tư nước ngoài đầu tư, bảo đảm các điều kiện theo quy định của pháp luật và được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cho phép thành lập và cấp phép hoạt động giáo dục.

2. Nguồn tài chính của trường được hình thành từ vốn đầu tư của nhà đầu tư và các nguồn thu hợp pháp khác theo quy định của pháp luật; trường hợp được Nhà nước hỗ trợ kinh phí thì việc quản lý, sử dụng kinh phí thực hiện theo quy định của pháp luật.

3. Trường phổ thông tư thục có tư cách pháp nhân, có con dấu và tài khoản riêng theo quy định của pháp luật.

Điều 3. Nhiệm vụ và quyền hạn của trường phổ thông tư thục

1. Thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn của trường phổ thông theo quy định của Điều lệ trường tiểu học, trường trung học cơ sở, trường trung học phổ thông, trường phổ thông có nhiều cấp học (sau đây gọi chung là Điều lệ trường phổ thông), Quy chế này và các quy định của pháp luật có liên quan.

2. Thực hiện quyền tự chủ và tự chịu trách nhiệm theo quy định của pháp luật trong việc xây dựng và tổ chức thực hiện kế hoạch phát triển nhà trường; tổ chức bộ máy; xây dựng và phát triển đội ngũ giáo viên, cán bộ quản lý giáo dục và nhân sự hỗ trợ giáo dục; huy động, quản lý và sử dụng các nguồn lực để thực hiện mục tiêu giáo dục phổ thông phù hợp với loại hình và điều kiện hoạt động của nhà trường.

3. Được hưởng chính sách ưu đãi, hỗ trợ của Nhà nước theo quy định của pháp luật; được Nhà nước giao nhiệm vụ, đặt hàng hoặc đấu thầu cung cấp dịch vụ giáo dục theo quy định của pháp luật.

4. Thực hiện các quy định của pháp luật về bảo đảm chất lượng giáo dục nhằm duy trì và nâng cao chất lượng giáo dục.

5. Tham gia thực hiện phổ cập giáo dục và giáo dục bắt buộc theo quy định của pháp luật.

6. Thực hiện chế độ thông tin, báo cáo định kỳ và đột xuất theo quy định của pháp luật và yêu cầu của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền.

Chương II

TỔ CHỨC VÀ QUẢN LÝ NHÀ TRƯỜNG

Điều 4. Cơ cấu tổ chức và nguyên tắc hoạt động của trường phổ thông tư thực

1. Cơ cấu tổ chức của trường phổ thông tư thực thực hiện theo quy định của Điều lệ trường phổ thông; căn cứ quy mô và điều kiện hoạt động, nhà trường tổ chức thiết lập cơ chế kiểm soát nội bộ theo quy định.

2. Các bộ phận trong cơ cấu tổ chức của nhà trường thực hiện chức năng, nhiệm vụ theo quy định của Quy chế này và quy định của pháp luật có liên quan; bảo đảm phân định giữa quyền quản trị của Hội đồng trường và quyền quản lý, điều hành của Hiệu trưởng.

3. Trường hợp nhà đầu tư là thành viên Hội đồng trường thì việc tham gia Hội đồng trường phải bảo đảm không can thiệp trực tiếp vào hoạt động quản lý, điều hành của Hiệu trưởng và bảo đảm sự phân định giữa quyền sở hữu, quyền quản trị và quyền điều hành theo quy định của pháp luật.

4. Nhiệm vụ, quyền hạn, mối quan hệ công tác và nguyên tắc hoạt động của các bộ phận trong cơ cấu tổ chức của trường phổ thông tư thực thực hiện theo Điều lệ trường phổ thông, Quy chế này và quy định của pháp luật có liên quan.

Điều 5. Hội đồng trường của trường phổ thông tư thực

1. Thực hiện chức năng quản trị nhà trường theo quy định của pháp luật, Điều lệ trường phổ thông, Quy chế này và quy chế tổ chức, hoạt động của nhà trường; đại diện cho nhà đầu tư và các bên có lợi ích liên quan trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn được giao.

2. Quyết nghị định hướng, chiến lược phát triển và các vấn đề về tổ chức hoạt động của nhà trường theo quy định của pháp luật; giám sát việc thực hiện các nghị quyết của Hội đồng trường; không trực tiếp thực hiện hoạt động quản lý, điều hành nhà trường.

3. Làm việc theo chế độ tập thể, quyết định theo đa số, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác; có quy chế tổ chức và hoạt động do Hội đồng trường ban hành, phù hợp với quy định của pháp luật và quyết định của nhà đầu tư.

4. Hội đồng trường có Chủ tịch, Phó Chủ tịch (nếu có) và các thành viên. Chủ tịch Hội đồng trường và Phó Chủ tịch Hội đồng trường (nếu có) do Hội đồng trường bầu trong số các thành viên của Hội đồng trường theo nguyên tắc đa số. Số lượng thành viên Hội đồng trường là số lẻ, ít nhất là 05 người và không quá 15 người. Nhiệm kỳ của Hội đồng trường là 05 năm.

5. Thành phần Hội đồng trường do hội nghị nhà đầu tư quyết định theo tỷ lệ vốn góp, bảo đảm phù hợp với quy định của pháp luật, yêu cầu quản trị nhà trường và bao gồm:

a) Đại diện nhà đầu tư;

b) Thành viên trong nhà trường, gồm: Hiệu trưởng, Phó Hiệu trưởng (nếu có), đại diện giáo viên, nhân sự hỗ trợ giáo dục của nhà trường;

c) Thành viên ngoài nhà trường do nhà đầu tư đề xuất và được hội nghị nhà đầu tư thông qua, phù hợp với nhu cầu quản trị và phát triển nhà trường;

d) Đại diện tổ chức Đảng, đoàn thể trong nhà trường (nếu có).

6. Quy trình thành lập và kiện toàn Hội đồng trường:

a) Hội đồng trường được thành lập thông qua hội nghị nhà đầu tư. Căn cứ kết quả hội nghị nhà đầu tư, nhà đầu tư ban hành quyết định thành lập Hội đồng trường;

b) Việc kiện toàn, bổ sung, thay thế thành viên Hội đồng trường được thực hiện thông qua hội nghị nhà đầu tư. Căn cứ kết quả hội nghị nhà đầu tư, nhà đầu tư ban hành quyết định kiện toàn, bổ sung hoặc thay thế thành viên Hội đồng trường;

c) Nhà trường có trách nhiệm thông báo việc thành lập, kiện toàn, bổ sung hoặc thay thế thành viên Hội đồng trường đến cơ quan quản lý giáo dục trực tiếp; đồng thời lưu giữ quyết định thành lập hoặc kiện toàn Hội đồng trường và các tài liệu liên quan theo quy định của pháp luật và quy chế tổ chức, hoạt động của nhà trường;

d) Hội đồng trường của trường phổ thông tư thục đã được thành lập trước ngày Thông tư này có hiệu lực thì được tiếp tục hoạt động đến hết nhiệm kỳ theo quyết định thành lập. Trường hợp kiện toàn, bổ sung, thay thế thành viên Hội đồng trường kể từ ngày Thông tư này có hiệu lực thì phải thực hiện theo quy định của Thông tư này.

7. Chủ tịch Hội đồng trường có trách nhiệm tổ chức hoạt động của Hội đồng trường; triệu tập và chủ trì các phiên họp của Hội đồng trường; ký nghị quyết của Hội đồng trường; theo dõi, đôn đốc việc thực hiện các nghị quyết của Hội đồng trường và thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn khác theo quy chế tổ chức và hoạt động của Hội đồng trường.

8. Hội đồng trường có nhiệm vụ và quyền hạn sau đây:

a) Quyết nghị chiến lược, tầm nhìn, mục tiêu và kế hoạch phát triển của nhà trường trên cơ sở định hướng của nhà đầu tư;

b) Quyết nghị quy chế tổ chức và hoạt động của nhà trường;

c) Quyết nghị phương án tổ chức bộ máy của nhà trường; quyết nghị việc bổ nhiệm, miễn nhiệm, cho thôi giữ chức vụ đối với Hiệu trưởng, Phó Hiệu trưởng theo quy định của pháp luật và quy chế tổ chức, hoạt động của nhà trường;

d) Thông qua định hướng kế hoạch giáo dục của nhà trường;

đ) Giám sát việc thực hiện các nội dung quy định tại các điểm a, b, c, d khoản này;

e) Giám sát việc quản lý, sử dụng tài chính, tài sản và việc thực hiện quy chế dân chủ trong hoạt động của nhà trường;

g) Thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn khác theo quy định của pháp luật và theo quy chế tổ chức và hoạt động của nhà trường.

9. Hội đồng trường họp thường kỳ ít nhất 02 lần trong năm; họp đột xuất theo đề nghị của Chủ tịch Hội đồng trường, Hiệu trưởng hoặc theo yêu cầu của hơn một nửa số thành viên Hội đồng trường. Phiên họp Hội đồng trường được coi là hợp lệ khi có ít nhất hai phần ba số thành viên tham dự; nghị quyết của Hội đồng trường được thông qua khi có hơn một nửa số thành viên tham dự biểu quyết tán thành, trừ trường hợp quy chế tổ chức và hoạt động của Hội đồng trường có quy định khác. Quy chế tổ chức và hoạt động của Hội đồng trường quy định cụ thể tỷ lệ biểu quyết đối với các nội dung thuộc thẩm quyền quyết nghị của Hội đồng trường phù hợp với quy định của pháp luật và quyết định của nhà đầu tư.

10. Nhà trường có trách nhiệm lưu giữ đầy đủ hồ sơ về việc thành lập, kiện toàn, tổ chức và hoạt động của Hội đồng trường theo quy định của pháp luật và quy chế tổ chức, hoạt động của nhà trường; thực hiện chế độ báo cáo và cung cấp thông tin, hồ sơ liên quan theo yêu cầu của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền.

11. Cơ quan quản lý giáo dục có thẩm quyền kiểm tra việc thực hiện các quy định của pháp luật về giáo dục trong việc thành lập, kiện toàn và hoạt động của Hội đồng trường; yêu cầu nhà trường báo cáo, giải trình và cung cấp thông tin phục vụ công tác quản lý nhà nước theo quy định của pháp luật.

Điều 6. Mối quan hệ giữa Hội đồng trường, Hiệu trưởng và nhà đầu tư trong trường phổ thông tư thục

1. Hội đồng trường, Hiệu trưởng và nhà đầu tư thực hiện quyền và trách nhiệm theo quy định của pháp luật, Điều lệ trường phổ thông và quy chế này.

2. Mối quan hệ giữa Hội đồng trường, Hiệu trưởng và nhà đầu tư được thực hiện trên cơ sở phân định rõ quyền sở hữu, quyền quản trị và quyền quản lý, điều hành, bảo đảm mục tiêu giáo dục và quyền tự chủ của cơ sở giáo dục theo quy định của pháp luật.

3. Hiệu trưởng tổ chức thực hiện nghị quyết của Hội đồng trường; chịu trách nhiệm trước Hội đồng trường về kết quả quản lý, điều hành và trước cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền theo quy định của pháp luật.

4. Nhà đầu tư thực hiện quyền và trách nhiệm theo quy định của pháp luật, Điều lệ trường phổ thông và quy chế tổ chức, hoạt động của trường; phối hợp với Hội đồng trường và Hiệu trưởng trong việc bảo đảm các điều kiện để nhà trường hoạt động và phát triển.

5. Cơ chế phối hợp và xử lý vướng mắc, tranh chấp

a) Hội đồng trường, Hiệu trưởng và nhà đầu tư có trách nhiệm phối hợp trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn được giao; bảo đảm không làm thay hoặc can thiệp trái thẩm quyền của mỗi bên;

b) Trường hợp phát sinh vướng mắc hoặc bất đồng trong quản trị, quản lý, điều hành nội bộ nhà trường, các bên có trách nhiệm trao đổi, giải quyết thông qua Hội đồng trường; trường hợp vượt quá thẩm quyền hoặc không thống nhất được thì báo cáo cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền về giáo dục để xem xét, giải quyết theo quy định của pháp luật;

c) Trường hợp phát sinh tranh chấp liên quan đến quyền sở hữu, vốn góp, tài sản hoặc các quan hệ dân sự, kinh doanh, đầu tư giữa các bên thì việc giải quyết thực hiện theo quy định của pháp luật dân sự, pháp luật về doanh nghiệp, pháp luật về đầu tư và pháp luật có liên quan.

6. Trường hợp Hiệu trưởng vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ quản lý, điều hành theo quy định của pháp luật hoặc quy chế tổ chức, hoạt động của nhà trường, Hội đồng trường xem xét, quyết nghị việc xử lý hoặc kiến nghị cơ quan có thẩm quyền xem xét, quyết định theo quy định của pháp luật.

Điều 7. Cơ chế kiểm soát nội bộ trong trường phổ thông tư thục

1. Trường phổ thông tư thục thiết lập cơ chế kiểm soát nội bộ nhằm hỗ trợ Hội đồng trường giám sát việc quản lý, sử dụng tài chính, tài sản; việc tuân thủ pháp luật, Điều lệ trường phổ thông, quy chế tổ chức và hoạt động của nhà trường.

2. Hội đồng trường quyết định cơ chế kiểm soát nội bộ phù hợp với quy mô, điều kiện tổ chức và hoạt động của nhà trường; không làm phát sinh tổ chức bộ máy mới ngoài cơ cấu tổ chức theo quy định của Điều lệ trường phổ thông.

3. Cơ chế kiểm soát nội bộ được thực hiện thông qua việc giao cá nhân hoặc bộ phận hiện có của nhà trường thực hiện nhiệm vụ kiểm soát nội bộ; việc phân công phải bảo đảm tính độc lập, khách quan, tránh xung đột lợi ích và phù hợp với quy định của pháp luật.

4. Cá nhân hoặc bộ phận được giao thực hiện nhiệm vụ kiểm soát nội bộ có nhiệm vụ:

a) Thu thập, tổng hợp, phân tích thông tin phục vụ hoạt động giám sát của Hội đồng trường;

b) Phát hiện, kiến nghị xử lý rủi ro, sai sót, vi phạm trong phạm vi được giao;

c) Đề xuất các giải pháp nâng cao hiệu quả quản trị, quản lý và phòng ngừa vi phạm;

d) Thực hiện nhiệm vụ khác theo phân công của Hội đồng trường phù hợp với quy định của pháp luật.

5. Hoạt động kiểm soát nội bộ nhằm hỗ trợ Hội đồng trường thực hiện chức năng giám sát; không thay thế chức năng quản lý, điều hành của Hiệu trưởng và không thực hiện kiểm tra hoạt động chuyên môn, nghiệp vụ giáo dục theo quy định của pháp luật.

6. Người được giao thực hiện nhiệm vụ kiểm soát nội bộ:

a) Không đồng thời giữ chức danh Hiệu trưởng, Phó Hiệu trưởng, Kế toán trưởng;

b) Trường hợp là thành viên Hội đồng trường thì không tham gia giám sát đối với nội dung có liên quan trực tiếp đến quyền, lợi ích của mình;

c) Được tiếp cận thông tin, hồ sơ, tài liệu liên quan đến nội dung kiểm soát theo quy định của pháp luật và quy chế tổ chức, hoạt động của nhà trường;

d) Chịu trách nhiệm về tính trung thực, khách quan của kết quả thực hiện nhiệm vụ.

7. Kết quả kiểm soát nội bộ được báo cáo Hội đồng trường để xem xét, quyết định các biện pháp xử lý, khắc phục và hoàn thiện công tác quản trị nhà trường; việc công khai, giải trình được thực hiện theo quy định của pháp luật và quy chế tổ chức, hoạt động của nhà trường.

Điều 8. Hiệu trưởng, Phó Hiệu trưởng

1. Hiệu trưởng

a) Hiệu trưởng trường phổ thông tư thục là người chịu trách nhiệm quản lý, điều hành hoạt động của nhà trường; tổ chức thực hiện kế hoạch giáo dục và chịu trách nhiệm về chất lượng giáo dục của nhà trường theo quy định của pháp luật;

b) Tiêu chuẩn, nhiệm vụ và quyền hạn của Hiệu trưởng thực hiện theo quy định của Điều lệ trường phổ thông và các quy định của pháp luật có liên quan;

c) Hiệu trưởng trường phổ thông tư thục có nhiệm kỳ 05 năm. Trường hợp Hiệu trưởng là người nước ngoài thì nhiệm kỳ theo thời hạn của giấy phép lao động và không quá 05 năm. Trong cùng một thời điểm, một người chỉ được làm Hiệu trưởng của một trường phổ thông tư thục;

d) Ngoài nhiệm vụ, quyền hạn quy định tại Điều lệ trường phổ thông, Hiệu trưởng trường phổ thông tư thục có trách nhiệm tổ chức thực hiện nghị quyết của Hội đồng trường; chịu sự giám sát của Hội đồng trường theo quy định; tuyển dụng, quản lý giáo

viên và nhân sự hỗ trợ giáo dục theo phân cấp, ủy quyền; quản lý, sử dụng tài chính, tài sản của nhà trường; lập kế hoạch tài chính hằng năm trình Hội đồng trường; thực hiện chế độ báo cáo theo quy định; được bảo lưu ý kiến chuyên môn và báo cáo cơ quan quản lý giáo dục có thẩm quyền đối với những nội dung chưa phù hợp với quy định của pháp luật hoặc không phù hợp với yêu cầu chuyên môn giáo dục.

2. Phó Hiệu trưởng

a) Phó Hiệu trưởng là người giúp Hiệu trưởng thực hiện nhiệm vụ quản lý, điều hành nhà trường theo sự phân công của Hiệu trưởng; chịu trách nhiệm trước Hiệu trưởng và trước pháp luật về nhiệm vụ được phân công;

b) Tiêu chuẩn, nhiệm vụ và quyền hạn của Phó Hiệu trưởng thực hiện theo quy định của Điều lệ trường phổ thông và các quy định của pháp luật có liên quan.

3. Việc bổ nhiệm, miễn nhiệm Hiệu trưởng, Phó Hiệu trưởng được thực hiện theo quy định của pháp luật, Điều lệ trường phổ thông, quy chế tổ chức và hoạt động của nhà trường và quyết nghị của Hội đồng trường.

Điều 9. Chương trình giáo dục

1. Trường phổ thông tư thục thực hiện Chương trình giáo dục phổ thông, kế hoạch giáo dục và các quy định chuyên môn theo quy định của Điều lệ trường phổ thông và pháp luật có liên quan.

2. Trường phổ thông tư thục thực hiện kế hoạch thời gian năm học theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo; được tổ chức thời gian học tập bổ sung ngoài kế hoạch thời gian năm học do Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định, nhưng không quá 04 tuần trong một năm học và không thu học phí đối với thời gian học tập bổ sung này. Việc tổ chức thời gian học tập bổ sung không làm thay đổi thời lượng thực hiện Chương trình giáo dục phổ thông do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành.

3. Việc tổ chức thời gian học tập bổ sung quy định tại khoản này phải nhằm hỗ trợ thực hiện Chương trình giáo dục phổ thông và nâng cao chất lượng giáo dục; bảo đảm phù hợp với chương trình giáo dục, phù hợp với đặc điểm tâm sinh lý và thời gian học tập của học sinh; phải thực hiện công khai theo quy định của pháp luật.

4. Đối với cấp tiểu học, việc học tập bổ sung phải được thực hiện trên tinh thần tự nguyện, đồng thuận của cha mẹ học sinh nhằm tăng cường kỹ năng sống, bồi dưỡng học sinh năng khiếu hoặc phụ đạo học sinh còn yếu, không được dạy trước chương trình của năm học kế tiếp.

Chương III

GIÁO VIÊN, NHÂN SỰ HỖ TRỢ GIÁO DỤC VÀ HỌC SINH

Điều 10. Tiêu chuẩn, nhiệm vụ và quyền của giáo viên, nhân sự hỗ trợ giáo dục

1. Giáo viên trong trường phổ thông tư thục phải đáp ứng chuẩn nghề nghiệp, điều kiện theo quy định của pháp luật; có quyền và nghĩa vụ theo quy định của Luật Giáo dục, Luật Nhà giáo, Điều lệ trường phổ thông và các quy định pháp luật có liên quan; thực hiện quyền và nghĩa vụ theo hợp đồng lao động đã ký kết với nhà trường.

2. Nhân sự hỗ trợ giáo dục trong trường phổ thông tư thục làm việc theo chế độ hợp đồng lao động tại nhà trường; thực hiện quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật Lao động, quy chế tổ chức và hoạt động của nhà trường và các quy định pháp luật có liên quan.

3. Trường phổ thông tư thục cụ thể hóa yêu cầu đối với từng chức danh, vị trí việc làm của giáo viên và nhân sự hỗ trợ giáo dục trong quy chế tổ chức và hoạt động của nhà trường, bảo đảm đúng quy định của pháp luật và yêu cầu chuyên môn, nghiệp vụ của từng vị trí.

Điều 11. Yêu cầu về định mức giáo viên, nhân sự hỗ trợ giáo dục

1. Trong Quy chế này, giáo viên cơ hữu là giáo viên làm việc theo hợp đồng lao động không xác định thời hạn hoặc hợp đồng lao động xác định thời hạn từ đủ 12 tháng trở lên và thực hiện nhiệm vụ giảng dạy thường xuyên tại nhà trường.

2. Trường phổ thông tư thục phải bảo đảm có đội ngũ giáo viên làm việc thường xuyên, ổn định để tổ chức thực hiện Chương trình giáo dục phổ thông; trong đó, tỷ lệ giáo viên cơ hữu bình quân trong năm học tối thiểu như sau:

a) Cấp tiểu học: ít nhất 90% tổng số giáo viên;

b) Cấp trung học cơ sở và cấp trung học phổ thông: ít nhất 40% tổng số giáo viên.

3. Số lượng giáo viên và nhân sự hỗ trợ giáo dục phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu thực hiện Chương trình giáo dục phổ thông, phù hợp với quy mô, cấp học và điều kiện hoạt động của nhà trường theo quy định của pháp luật.

4. Ngoài các chức danh, vị trí công việc theo quy định, trường phổ thông tư thục được bố trí thêm các vị trí việc làm khác phù hợp với nhu cầu và điều kiện thực tiễn, bảo đảm không ảnh hưởng đến việc thực hiện Chương trình giáo dục phổ thông.

Điều 12. Tuyển dụng giáo viên và nhân sự hỗ trợ giáo dục

1. Giáo viên và nhân sự hỗ trợ giáo dục trong trường phổ thông tư thục làm việc theo chế độ hợp đồng lao động; được tuyển dụng, sử dụng và quản lý theo quy định của Bộ luật Lao động, Luật Giáo dục, Luật Nhà giáo và các quy định pháp luật có liên quan.

2. Giáo viên cơ hữu được tuyển dụng, sử dụng và bảo đảm các chế độ, chính sách theo quy định của Bộ luật Lao động, Luật Giáo dục, Luật Nhà giáo, pháp luật về bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế và các quy định pháp luật có liên quan; thực hiện đầy đủ quyền, nghĩa vụ theo hợp đồng lao động và quy chế tổ chức, hoạt động của nhà trường.

Điều 13. Quyền và nhiệm vụ của học sinh

1. Học sinh trường phổ thông tư thục có quyền và nhiệm vụ theo quy định của Luật Giáo dục, Điều lệ trường phổ thông và các quy định pháp luật có liên quan; được hưởng chế độ, chính sách theo quy định của pháp luật.

2. Quyền học tập của học sinh được bảo đảm theo quy định của pháp luật. Việc thay đổi nhà đầu tư hoặc chủ sở hữu, tổ chức lại hoặc chấm dứt hoạt động của trường phổ thông tư thục không làm ảnh hưởng đến quyền học tập của học sinh.

3. Trường hợp trường phổ thông tư thục tổ chức lại hoặc chấm dứt hoạt động, nhà trường và nhà đầu tư có trách nhiệm xây dựng và thực hiện phương án bảo đảm quyền học tập của học sinh theo quy định của pháp luật; thực hiện hoàn trả phần học phí và các khoản thu hợp pháp chưa sử dụng (nếu có) hoặc hỗ trợ chuyển học sinh đến cơ sở giáo dục khác phù hợp.

Chương IV**CƠ SỞ VẬT CHẤT, TÀI CHÍNH, TÀI SẢN****Điều 14. Cơ sở vật chất**

1. Trường phổ thông tư thực có trách nhiệm bảo đảm cơ sở vật chất, thiết bị dạy học, thư viện đáp ứng yêu cầu tổ chức dạy học, giáo dục và các hoạt động khác của nhà trường theo quy định của Điều lệ trường phổ thông và các quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo về cơ sở vật chất, thiết bị dạy học, thư viện và phòng học bộ môn.

2. Cơ sở vật chất của trường phổ thông tư thực phải được quản lý, bảo quản và sử dụng an toàn, hiệu quả, đúng mục đích; việc sửa chữa, bổ sung, nâng cấp được thực hiện theo quy định của pháp luật và quy chế tổ chức, hoạt động của nhà trường.

3. Trường phổ thông tư thực có trách nhiệm quản lý, sử dụng cơ sở vật chất, thiết bị dạy học, thư viện và phòng học bộ môn theo quy định của pháp luật; thực hiện trách nhiệm giải trình với Hội đồng trường và nhà đầu tư theo quy chế tổ chức và hoạt động của nhà trường.

Điều 15. Tài chính và tài sản của trường phổ thông tư thực**1. Chế độ tài chính**

Trường phổ thông tư thực thực hiện cơ chế tự chủ về tài chính; chấp hành các quy định của pháp luật về kế toán, kiểm toán, thuế, định giá tài sản và công khai tài chính theo quy định của pháp luật.

2. Nguồn tài chính

Nguồn tài chính của trường phổ thông tư thực bao gồm:

a) Vốn góp của các tổ chức, cá nhân thành lập trường và các nguồn huy động hợp pháp khác;

b) Nguồn thu học phí và các khoản thu dịch vụ giáo dục theo quy định của pháp luật;

c) Các khoản tài trợ, viện trợ, cho, tặng hợp pháp của tổ chức, cá nhân trong nước và nước ngoài theo quy định của pháp luật;

d) Nguồn hỗ trợ từ ngân sách nhà nước khi thực hiện nhiệm vụ do Nhà nước giao, đặt hàng hoặc đấu thầu theo quy định của pháp luật;

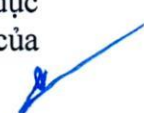
đ) Các nguồn thu hợp pháp khác theo quy định của pháp luật.

3. Nội dung chi

Các khoản chi của trường phổ thông tư thực được thực hiện theo quy định của pháp luật và quy định nội bộ của nhà trường, bao gồm chi cho hoạt động giáo dục, chi trả tiền lương và các chế độ đối với người lao động, chi quản lý, chi đầu tư phát triển cơ sở vật chất, thực hiện nghĩa vụ tài chính với Nhà nước và các khoản chi hợp pháp khác.

4. Học phí và các khoản thu dịch vụ giáo dục

a) Mức thu học phí, lộ trình điều chỉnh học phí và các khoản thu dịch vụ giáo dục của trường phổ thông tư thực phải được công khai theo quy định của pháp luật trước khi tuyển sinh hoặc trước khi bắt đầu năm học. Việc điều chỉnh học phí và các khoản thu dịch vụ giáo dục trong năm học (nếu có) được thực hiện theo hợp đồng dịch vụ giáo dục và các thỏa thuận hợp pháp với người học hoặc cha mẹ, người đại diện hợp pháp của học sinh;



b) Khuyến khích trường phổ thông tư thục công khai khung học phí dự kiến cho toàn cấp học tại thời điểm tuyển sinh đầu cấp.

5. Quản lý tài chính và tài sản

Tài chính và tài sản của trường phổ thông tư thục được quản lý, sử dụng đúng mục đích, công khai, minh bạch theo quy định của pháp luật và quy chế tổ chức, hoạt động của nhà trường.

Khoản chênh lệch thu - chi sau khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính theo quy định của pháp luật được sử dụng cho hoạt động giáo dục và thực hiện quyền của nhà đầu tư theo quy định của pháp luật, trừ trường hợp trường hoạt động không vì lợi nhuận.

6. Trách nhiệm khi chấm dứt hoạt động

Khi chấm dứt hoạt động, trường phổ thông tư thục có trách nhiệm xây dựng và thực hiện phương án xử lý tài chính, tài sản theo quy định của pháp luật; bảo đảm quyền và lợi ích hợp pháp của người học, người lao động và các bên có liên quan.

Chương V

BẢO ĐẢM CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC, KHEN THƯỞNG VÀ XỬ LÝ VI PHẠM

Điều 16. Tự đánh giá và bảo đảm chất lượng giáo dục

1. Trường phổ thông tư thục tổ chức thực hiện hoạt động tự đánh giá và bảo đảm chất lượng giáo dục theo quy định của Luật Giáo dục và các quy định của pháp luật có liên quan.

2. Nội dung tự đánh giá được thực hiện trên cơ sở mục tiêu giáo dục, chương trình giáo dục phổ thông, điều kiện bảo đảm chất lượng giáo dục, hoạt động giáo dục, kết quả giáo dục của nhà trường theo quy định của pháp luật có liên quan.

3. Kết quả tự đánh giá là căn cứ để trường phổ thông tư thục xây dựng, điều chỉnh và tổ chức thực hiện kế hoạch cải tiến, nâng cao chất lượng giáo dục theo quy định.

Điều 17. Khen thưởng

1. Tập thể, cá nhân của trường phổ thông tư thục có thành tích trong hoạt động giáo dục, đóng góp cho sự phát triển của nhà trường và sự nghiệp giáo dục thì được xem xét khen thưởng theo quy định của pháp luật về thi đua, khen thưởng.

2. Giáo viên, người lao động tại trường phổ thông tư thục có thành tích xuất sắc được đề nghị xét tặng các danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng của ngành giáo dục và các cấp có thẩm quyền theo quy định của pháp luật.

Điều 18. Xử lý vi phạm

Trường phổ thông tư thục, tổ chức, cá nhân có liên quan vi phạm quy định của pháp luật về giáo dục, quy định về tổ chức và hoạt động của nhà trường hoặc các quy định khác của pháp luật có liên quan thì tùy theo tính chất, mức độ vi phạm bị xử lý theo quy định của pháp luật. Việc xử lý vi phạm phải bảo đảm quyền và lợi ích hợp pháp của học sinh.

DANH MỤC CÁC PHỤ LỤC

Mẫu hồ sơ về thành lập, kiện toàn Hội đồng trường của trường phổ thông tư thục
(Kèm theo Thông tư số ~~18~~ 18/2026/TT-BGDĐT ngày ~~12~~ 12 tháng ~~6~~ 6 năm 2026 của Bộ trưởng
Bộ Giáo dục và Đào tạo)

Ký hiệu	Tên mẫu biểu
Mẫu số 01	Báo cáo về việc thành lập/kiện toàn Hội đồng trường của trường phổ thông tư thục
Mẫu số 02	Hồ sơ thông tin thành viên Hội đồng trường
Mẫu số 03	Biên bản họp Hội nghị nhà đầu tư

Mẫu số 01. Báo cáo về việc thành lập/kiện toàn Hội đồng trường của trường phổ thông tư thực

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÊN ĐƠN VỊ ...

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: .../BC-...

..., ngày ... tháng ... năm 202...

BÁO CÁO

Về việc thành lập/kiện toàn Hội đồng trường của trường phổ thông tư thực ...[1]...

Kính gửi:

- Ủy ban nhân dân cấp xã nơi trường đặt trụ sở (đối với trường tiểu học, trường trung học cơ sở và trường phổ thông có cấp học cao nhất là trung học cơ sở);

- Sở Giáo dục và Đào tạo nơi trường đặt trụ sở (đối với trường trung học phổ thông và trường phổ thông có cấp học cao nhất là trung học phổ thông).

I. THÔNG TIN CHUNG

1. Tên cơ sở giáo dục:
2. Loại hình: Trường phổ thông tư thực
3. Địa chỉ:
4. Người đại diện theo pháp luật:
5. Căn cứ thực hiện:

II. KẾT QUẢ THÀNH LẬP/KIỆN TOÀN HỘI ĐỒNG TRƯỜNG

- Hình thức thực hiện:.....
- Quy trình thực hiện:
- Tổng số thành viên: người (số lẻ, từ 05 đến 15); nhiệm kỳ:
(Danh sách chi tiết gửi kèm)

III. NGUYÊN TẮC VÀ CHẾ ĐỘ HOẠT ĐỘNG

Tóm tắt nguyên tắc tổ chức hoạt động của Hội đồng trường.

IV. NHIỆM VỤ, QUYỀN HẠN CHỦ YẾU

Mô tả rõ nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định

V. HỒ SƠ KÈM THEO

Các tài liệu chứng minh việc thành lập hoặc kiện toàn Hội đồng trường theo quy định: Quyết định thành lập/kiện toàn Hội đồng trường; Danh sách, sơ yếu lý lịch thành viên; Biên bản họp, biên bản kiểm phiếu; tài liệu khác...

VI. CAM KẾT

Cơ sở giáo dục cam kết việc thành lập/kiện toàn Hội đồng trường được thực hiện đúng quy định của pháp luật; chịu trách nhiệm về tính chính xác của nội dung báo cáo và hồ sơ kèm theo.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: ...

ĐẠI DIỆN CƠ SỞ GIÁO DỤC

(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)



PHỤ LỤC KÈM THEO MẪU SỐ 1
Danh sách thành viên Hội đồng trường

Nhiệm kỳ: ...

*(Đính kèm Báo cáo số:/BC-..... ngày/202.. của Trường phổ thông tư thục
)*

STT	Họ và tên	Chức danh trong Hội đồng trường	Thành phần đại diện [2]	Trình độ chuyên môn
1		Chủ tịch		
2		Phó Chủ tịch (nếu có)		
...		Thành viên		

Tổng số: người (bảo đảm số lẻ, từ 05–15)

QUYỀN HẠN, CHỨC VỤ NGƯỜI KÝ

(Chữ ký, dấu/chữ ký số)

Họ và tên

Ghi chú:

[1] Tên đúng tên trường theo Quyết định thành lập trường

[2] Ghi rõ thành phần đại diện (Đại diện nhà đầu tư; thành viên trong nhà trường; thành viên ngoài nhà trường; đại diện tổ chức Đảng, đoàn thể ...)



Mẫu số 02. Hồ sơ thông tin thành viên Hội đồng trường**Hồ sơ thông tin thành viên Hội đồng trường**

(Đính kèm hồ sơ thành lập/kiện toàn Hội đồng trường của Trường phổ thông tư thục ...)

1. Họ và tên:
2. Ngày, tháng, năm sinh:
3. Giới tính:
4. Trình độ chuyên môn:
5. Chức vụ hiện tại (nếu có):
6. Đơn vị công tác:
7. Vai trò trong Hội đồng trường:
8. Thành phần đại diện trong Hội đồng trường:
 - ☐ Đại diện nhà đầu tư;
 - ☐ Thành viên trong nhà trường;
 - ☐ Thành viên ngoài nhà trường;
 - ☐ Đại diện tổ chức Đảng, đoàn thể trong nhà trường (nếu có).
9. Kinh nghiệm công tác, năng lực chuyên môn liên quan đến hoạt động quản trị nhà trường (nếu có).
10. Thông tin liên hệ:
 - Địa chỉ:
 - Số điện thoại/thư điện tử:

Tôi xác nhận các thông tin kê khai trên là đúng sự thật và chịu trách nhiệm về nội dung đã kê khai.

NGƯỜI KÊ KHAI
(Chữ ký, ghi rõ họ tên)

Mẫu số 03. Biên bản họp Hội nghị nhà đầu tư

TÊN CƠ SỞ GIÁO DỤC Số:/BB-HNĐT	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
	Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

..., ngày ... tháng ... năm ...

BIÊN BẢN HỌP HỘI NGHỊ NHÀ ĐẦU TƯ**Về việc thành lập/kiện toàn Hội đồng trường****I. THỜI GIAN, ĐỊA ĐIỂM**

1. Thời gian:
2. Địa điểm:

II. THÀNH PHẦN THAM DỰ

1. Chủ trì cuộc họp:
2. Thư ký cuộc họp:
3. Thành phần tham dự:
 - Tổng số nhà đầu tư tham dự: người;
 - Đại diện cho % tổng số vốn góp của cơ sở giáo dục.

(Danh sách tham dự kèm theo)

III. NỘI DUNG CUỘC HỌP

1. Thông qua chủ trương thành lập/kiện toàn Hội đồng trường.
2. Thông qua cơ cấu, số lượng, thành phần Hội đồng trường.
3. Thảo luận, đề cử, giới thiệu nhân sự tham gia Hội đồng trường.
4. Biểu quyết thông qua danh sách thành viên Hội đồng trường nhiệm kỳ ...
5. Xem xét, biểu quyết nhân sự quản lý nhà trường (nếu có).

IV. KẾT QUẢ BIỂU QUYẾT

1. Kết quả biểu quyết về Hội đồng trường:
 - Số phiếu đồng ý: phiếu;
 - Tỷ lệ vốn góp tán thành: %;
 - Số phiếu không đồng ý: phiếu;
 - Số phiếu không hợp lệ (nếu có): phiếu.
2. Kết quả biểu quyết nhân sự quản lý nhà trường (nếu có).

.....

.....

(Danh sách thành viên Hội đồng trường kèm theo)

✓

V. KẾT LUẬN

Hội nghị nhà đầu tư thống nhất:

- Thành lập/kiện toàn Hội đồng trường nhiệm kỳ;
- Thông qua danh sách thành viên Hội đồng trường theo kết quả biểu quyết;
- Giao tổ chức thực hiện các nội dung liên quan theo quy định của pháp luật và quy chế tổ chức, hoạt động của nhà trường.

Biên bản được thông qua tại cuộc họp và lập thành bản có giá trị như nhau; lưu tại cơ sở giáo dục theo quy định.

THƯ KÝ
(Ký, ghi rõ họ tên)

CHỦ TRÌ CUỘC HỌP
(Ký, ghi rõ họ tên)

(Phụ lục kèm theo Mẫu số 03)

BIÊN BẢN KIỂM PHIẾU

(Kèm theo Biên bản họp Hội nghị nhà đầu tư ngày .../.../202...)

Hôm nay, vào lúc giờ ngày tháng năm 202..., tại, Tổ kiểm phiếu đã tiến hành làm việc để tổng hợp kết quả biểu quyết của các nhà đầu tư về việc thành lập/kiện toàn Hội đồng trường và nhân sự quản lý nhà trường (nếu có).

I. Thông tin chung về Tổ kiểm phiếu

1. Thành phần Tổ kiểm phiếu:

STT	Họ và tên	Chức vụ/Đại diện phần vốn góp	Nhiệm vụ
1			Trưởng Tổ
2			Thành viên
....			

2. Tổng hợp phiếu biểu quyết

- Tổng số phiếu phát ra: phiếu;
- Tổng số phiếu thu về: phiếu;
- Tổng tỷ lệ vốn góp tham gia biểu quyết: %;
- Số phiếu hợp lệ: phiếu;

II. KẾT QUẢ KIỂM PHIẾU

1. Thành lập/kiện toàn Hội đồng trường

STT	Nội dung lấy ý kiến biểu quyết	Số phiếu đồng ý	Tỷ lệ góp vốn tán thành (%)
-----	--------------------------------	-----------------	-----------------------------

1	Thông qua chủ trương thành lập/kiện toàn Hội đồng trường		 %
2	Thông qua cơ cấu, số lượng thành viên Hội đồng trường		 %
3	Thông qua danh sách thành viên Hội đồng trường nhiệm kỳ		 %
4	Thông qua nhân sự giữ chức danh Chủ tịch Hội đồng trường, nhiệm kỳ ...		

2. Biểu quyết nhân sự cán bộ quản lý nhà trường (nếu có)

STT	Nội dung biểu quyết	Số phiếu đồng ý	Tỷ lệ góp vốn tán thành (%)	Đủ điều kiện thông qua (Ghi rõ: đạt/không đạt)
1	Bổ nhiệm Ông/Bà giữ chức vụ Hiệu trưởng		 %	
2	Bổ nhiệm Ông/Bà giữ chức vụ Phó Hiệu trưởng		 %	

III. KẾT LUẬN

Tổ kiểm phiếu xác nhận việc kiểm phiếu được thực hiện công khai, khách quan, đúng quy định và phản ánh trung thực kết quả biểu quyết của Hội nghị nhà đầu tư.

Biên bản này được lập thành ... bản và lưu tại hồ sơ của cơ sở giáo dục theo quy định.

CÁC THÀNH VIÊN TỔ KIỂM PHIẾU KÝ TÊN

(Ký, ghi rõ họ tên)

Trưởng Tổ kiểm phiếu Thành viên Tổ kiểm phiếu Thành viên Tổ kiểm phiếu

(Ký và ghi rõ họ tên)

(Ký và ghi rõ họ tên)

(Ký và ghi rõ họ tên)

Ghi chú:

1. Trường hợp chỉ thực hiện thành lập/kiện toàn Hội đồng trường thì bỏ nội dung về nhân sự quản lý nhà trường.

2. Việc biểu quyết nhân sự cán bộ quản lý nhà trường được thực hiện theo quy định tại Khoản 2 Điều 6 Nghị định số 66/2026/NĐ-CP và quy chế tổ chức, hoạt động của nhà trường